

Bản án số: 1731/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Soan

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 1446/2018/TLST-HNGĐ, Ngày 11 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2018, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T với ông Nguyễn Anh T tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2014, quyển số: 01/2014 ngày 17 tháng 6 năm 2014. Bà T và ông T không có con chung. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau, đã ly thân từ năm 2015 tới nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T không còn, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T xin ly hôn với ông T.
- Về con chung: Bà T và ông T không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, triệu tập ông T để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông T đã có bản tự khai tại Tòa án có nội dung chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà T không có con chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này. Ông T vắng mặt không có lý do trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Bà T vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập để triệu tập ông T tham gia phiên tòa, ông T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T như đã trình bày trong bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2014, quyển số: 01/2014 ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Anh T đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của bà T và ông T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Như vậy, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông T có trình bày là chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà T không có con chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T, cụ thể như sau:

[11] Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông T, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[12] Về con chung: Bà T và ông T không có con chung.

[13] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[14] Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2014, quyển số: 01/2014 ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà T và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2018/0001333 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV;
- THA DS q. GV;
- UBND p 3, q G, Tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đã đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn